

Bản án số: 347/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2024

Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh, bà Ngô Thị Thơm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Mùi Nái- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Thu Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 331/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 417/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1988. ĐKKHKT: **Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương**. Nơi cư trú hiện nay: **Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương**.

Người được chị **N** ủy quyền giao, nhận văn bản: Anh **Đặng Thái L**, sinh năm 1985. Địa chỉ liên hệ: **Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương**.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1983. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương**. Nơi cư trú hiện nay: **Đài Loan**.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Đình B**, sinh năm 1960 và bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1961. Địa chỉ: **Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương**.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là chị **Phạm Thị N** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Đình T** tự nguyện kết hôn, có đăng

ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 20/3/2013. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế và không tin tưởng nhau. Năm 2015 và năm 2017, chị và anh T lần lượt đi lao động tại Đài Loan nhưng mỗi người ở một nơi nên không có điều kiện để quan tâm, chia sẻ với nhau các vấn đề của cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Xác định vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm và hiện không còn tình cảm nên chị khởi kiện xin ly hôn anh T.

Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Tiến T1- sinh ngày 08/7/2013. Vì cháu T1 đã sinh sống ổn định với bố mẹ anh T là ông Nguyễn Đình B, bà Nguyễn Thị M nên chị đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên. Chị nhất trí để ông B, bà M trực tiếp chăm sóc cháu T1 trong thời gian anh T không có mặt ở Việt Nam. Chị và anh T tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung.

*Ông Nguyễn Đình B, bà Nguyễn Thị M là bố, mẹ đẻ của anh Nguyễn Đình T phản ánh:* Vợ chồng anh T, chị N ở cùng ông, bà đến năm 2015 thì anh T đi lao động tại Đài Loan. Năm 2017, chị N cũng sang Đài Loan lao động nhưng mỗi người làm ở một nơi nên không đoàn tụ cùng nhau được. Năm 2019, chị N về Việt Nam. Anh T hiện vẫn đang ở Đài Loan. Do vợ chồng sống xa nhau nhiều năm nên không có cơ hội để quan tâm, động viên nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Qua trao đổi điện thoại với ông, bà, anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng con cái trưởng thành nhưng anh T không có biện pháp để thay đổi quan điểm, suy nghĩ của chị N. Nay chị N kiên quyết xin ly hôn thì anh T cũng nhất trí ly hôn và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Tiến T1 cho tới khi thành niên. Anh T ủy quyền và ông, bà nhất trí nhận ủy quyền của anh T về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 trong thời gian anh T không có mặt ở Việt Nam. Anh T và chị N tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa:** Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân theo và chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của U. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Nguyễn Đình T. Giao con chung là Nguyễn Tiến T1- sinh ngày 08/7/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên. Tạm giao cháu T1 cho ông Nguyễn Đình B, bà Nguyễn Thị M chăm sóc trong thời gian anh T không có mặt ở Việt Nam. Buộc chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

### [1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Đình T đang sinh sống tại Đài Loan. Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của anh T ở thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Đình T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 20/3/2013. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Từ trình bày của chị N và ông Nguyễn Đình B, bà Nguyễn Thị M, có cơ sở xác định chị N và anh T đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Mặc dù đã được gia đình hòa giải, động viên nhưng vợ chồng vẫn không có biện pháp đoàn tụ. Nhận thấy hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N xin ly hôn anh T, anh T nhất trí ly hôn chị N nhưng vì các đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa nên cần xử cho chị N được ly hôn anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có một con chung là Nguyễn Tiến T1 - sinh ngày 08/7/2013. Các đương sự thống nhất giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 muốn ở cùng anh T nên được chấp nhận. Các đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T ủy quyền cho ông B, bà M; ông B, bà M nhất trí nhận ủy quyền của anh T về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 trong thời gian anh T không có mặt ở Việt Nam là tự nguyện nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị **Phạm Thị N** và anh **Nguyễn Đình T**.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là **Nguyễn Tiến T1**- sinh ngày 08/7/2013 cho anh **Nguyễn Đình T** trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên.

Tạm giao cháu **Nguyễn Tiến T1** cho ông **Nguyễn Đình B**, bà **Nguyễn Thị M** chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh **Nguyễn Đình T** không có mặt ở Việt Nam.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Phạm Thị N** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*do anh **Đặng Thái L** nộp thay*) theo biên lai số 0000801 ngày 13/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị **N** đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quách Thị Phương Thúy**